

Số: 3478 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 30 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính Phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018; số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 05/12/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018;

Căn cứ Quyết định số 1117/QĐ-BGTVT ngày 09/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Hải Phòng tại Tờ trình số 91/TTr-SGTVT ngày 25/9/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm trên địa bàn thành phố Hải Phòng (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện việc công khai danh mục và nội dung thủ tục hành chính lĩnh vực đăng kiểm; xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố và Dịch vụ công trực tuyến thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **01/10/2024**.

Thủ tục hành chính có số thứ tự 1 phần I. Lĩnh vực đăng kiểm thuộc Danh mục TTHC không thực hiện tại Bộ phận một cửa thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải được ban hành kèm theo Quyết định số 1431/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực giao thông vận tải trên địa bàn thành phố Hải Phòng hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP, Bộ GTVT;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Đài PT&TH HP, Báo HP, CD AN HP;
- Các Phòng: KSTTHC, XDGT&CT;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT, KSTTHC5.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ (02 TTHC)
(Kèm theo Quyết định số 3478/QĐ-UBND ngày 30/9 /2024 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng)

I. DANH MỤC TTHC ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI (01 TTHC)

TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (Ghi rõ cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC của tổ chức, cá nhân)	Phí/lệ phí (nếu có) (Nếu không có ghi rõ là “Không quy định”)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích (Ghi rõ tiếp nhận hoặc trả kết quả hoặc cả hai)	
1	1.012875	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trong trường hợp còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng, rách hoặc có sự sai khác về thông tin	- Giấy chứng nhận kiểm định lần đầu hoặc Tem kiểm định lần đầu thuộc đối tượng miễn kiểm định bị mất: trong ngày làm việc - Giấy chứng nhận kiểm định hoặc Tem kiểm định bị	Đơn vị đăng kiểm	23.000 đồng/lần/xe	Một phần		Thông tư số 30/2024/TT-BGTVT ngày 12 tháng 8 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và Thông tư

TT	Mã số hồ sơ TTTC	Tên TTTC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (Ghi rõ cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTTC của tổ chức, cá nhân)	Phí/lệ phí (nếu có) (Nếu không có ghi rõ là “Không quy định”)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích (Ghi rõ tiếp nhận hoặc trả kết quả hoặc cả hai)	
			mất (không thuộc trường hợp trên), hư hỏng, rách: 1 ngày làm việc. - Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định có thông tin sai khác so với hồ sơ phương tiện của xe do đơn vị đăng kiểm in sai: 1 ngày làm việc					số 03/2018/TT-BGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP

II. DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (01 TTHC)

TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (Ghi rõ cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC của tổ chức, cá nhân)	Phí/lệ phí (nếu có) (Nếu không có ghi rõ là “Không quy định”)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích (Ghi rõ tiếp nhận hoặc trả kết quả hoặc cả hai)	
1	1.001261	Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	- Kiểm định tại đơn vị đăng kiểm Trong ngày làm việc Kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm : 03 ngày	Đơn vị đăng kiểm	- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 50.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 100.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định. - Mức thu phí, lệ	Một phần		Thông tư số 30/2024/TT-BGTVT ngày 12 tháng 8 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an



TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (Ghi rõ cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC của tổ chức, cá nhân)	Phí/lệ phí (nếu có) (Nếu không có ghi rõ là "Không quy định")	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích (Ghi rõ tiếp nhận hoặc trả kết quả hoặc cả hai)	
			làm việc		phí kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024: Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 20.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 45.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định. - Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và			toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP

TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (Ghi rõ cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC của tổ chức, cá nhân)	Phí/lệ phí (nếu có) (Nếu không có ghi rõ là “Không quy định”)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích (Ghi rõ tiếp nhận hoặc trả kết quả hoặc cả hai)	
					<p>bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm</p>			

TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (Ghi rõ cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC của tổ chức, cá nhân)	Phí/lệ phí (nếu có) (Nếu không có ghi rõ là "Không quy định")	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích (Ghi rõ tiếp nhận hoặc trả kết quả hoặc cả hai)	
					2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính			